

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày 17 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Anh

2. Bà Lê Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Huyền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Len - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 15/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 28/3/2024, đối với bị cáo:

Hà Thị N, sinh ngày 16/6/1989 tại xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L, sinh năm 1941 và bà Hà Thị T (đã chết); có chồng là Lê Văn L1, sinh năm 1984 và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2023 đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh T3, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

Bị hại:

- Anh Lê Văn T1, sinh 2000

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Vi Thị T2, sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Lê Văn T1 (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2023);

vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH K

Địa chỉ trụ sở: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Dương H, sinh năm 1985; chức vụ: Giám đốc

Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2024); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 16 giờ ngày 29/11/2023, Hà Thị N đi lên đồi luồng để khai thông đường nước chảy. Khi đi qua nhà chị Vi Thị T2 ở cùng thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, thấy không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N đi lên trên nhà sàn và đi vào gian phòng ngủ thấy có một tủ quần áo, ngăn dưới tủ quần áo có một hòm (dương) tôn, trên nắp hòm tôn có đặt chìa khoá hòm, N lấy chìa khoá mở hòm thấy bên trong có 02 (Hai) chiếc nhẫn hình tròn, màu vàng. Hà Thị N lấy trộm 02 (Hai) chiếc nhẫn, cất giấu vào túi áo đang mặc trên người rồi đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ ngày 30/11/2023, N đến Công ty TNHH K, địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa bán 02 (Hai) chiếc nhẫn màu vàng được số tiền 23.920.000 đồng rồi mang đi chi tiêu hết 13.420.000 đồng, còn lại 10.500.000 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày, nhận thức việc trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật, không thể trốn tránh được nên N đã đến Công an huyện L để đầu thú và tự nguyện giao nộp số tiền 10.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an huyện L.

Ngày 04/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 107/QĐ-TCGD, T4 Bộ C, giám định kim loại vàng.

Tại Bản kết luận giám định số 8953/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của V1 Bộ C kết luận kết luận: 02 (Hai) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đều chế tác kiểu tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999” gửi giám định có tổng khối lượng 15,00 gam đều là vàng (Au); hàm lượng Au trung bình 99,98%.

Ngày 14/12/2023, Cơ quan điều tra ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 09/YC-CSĐT, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện L, xác định giá trị của 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng, có đặc điểm chế tác dạng tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999”, mỗi

chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng, tính thành tiền Ngân hàng N2 phát hành tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 29/11/2023.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 15/12/2023, của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng, chế tác dạng tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999”, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng được tính thành tiền Ngân hàng N2 tại thời điểm ngày 29/11/2023 có giá trị: 23.920.000đ (*Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 10.500.000 đồng do Hà Thị N giao nộp, đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1054460 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh mở tại Kho bạc huyện L, theo Giấy nộp tiền ngày 14/3/2024.

- 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng, chế tác dạng tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999”, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Vi Thị T2.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Lê Văn T1 và chị Vi Thị T2 đã được nhận lại 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng bị Hà Thị N chiếm đoạt, đến nay không còn yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH K yêu cầu Hà Thị N1 bồi thường số tiền 23.920.000đ (*Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cáo trạng số 04/CT-VKS-LC ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, truy tố bị cáo Hà Thị N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xử phạt Hà Thị N từ 09 (*Chín*) đến 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (*Mười tám*) đến 24 (*Hai mươi tư*) tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Hà Thị N phải bồi thường phải bồi thường cho Công ty TNHH K số tiền 23.920.000đ, chấp nhận Hà Thị N đã bồi thường được 10.500.000 đồng, còn lại 13.420.000 đồng bị cáo tiếp tục phải bồi thường; Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho Công ty TNHH K số tiền Hà Thị N tự nguyện giao nộp là 10.500.000 đồng. Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và điều luật áp dụng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Hà Thị N thành khẩn nhận tội, bị cáo thống nhất với quan điểm của

người bào chữa, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 29/11/2023, tại nhà anh Lê Văn T1, chị Vi Thị T2 ở thôn S, xã T, huyện L, lợi dụng sơ hở của gia đình anh T1, chị T2, Hà Thị N đã lén lút chiếm đoạt của anh T1, chị T2 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng, có đặc điểm chế tác dạng tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999”, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng, có giá trị tính thành tiền Ngân hàng N2 tại thời điểm chiếm đoạt ngày 29/11/2023 là 23.920.000đ (*Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*). Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trên hai triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố Hà Thị N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Do điều kiện kinh tế có khó khăn, trong lúc túng quẫn bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp một phần số tiền chiếm đoạt được để khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại thời điểm phạm tội bị cáo

đang có thai; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện cải tạo, học tập để trở thành người tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo thấy: Bị cáo là thành viên trong hộ nghèo giai đoạn 2022 - 2025, không có việc làm và thu nhập ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ (sinh ngày 11/01/2024), nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của BLHS xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Đối với yêu cầu của bị hại: Tài sản của anh Lê Văn T1 và chị Vi Thị T2 bị Hà Thị N chiếm đoạt là 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T1, chị T2, đến nay anh T1, chị T2 không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị cáo đã bán 02 (H) chiếc nhẫn vàng chiếm đoạt của anh T1, chị T2 cho Công ty TNHH K được 23.920.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã thu hồi 02 (Hai) chiếc nhẫn và trả lại cho anh T1, chị T2. Khi mua 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng của N, đại diện Công ty không biết đó là tài sản do N phạm tội mà có, đến nay bị cáo chưa trả lại số tiền đã bán vàng cho Công ty. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH K (Hai) chiếc nhẫn vàng, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng là 23.920.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Chấp nhận trừ số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH K, số tiền còn lại là 13.420.000đ (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo tiếp tục phải bồi thường.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng, chế tác dạng tròn, trơn, mặt trong của mỗi chiếc nhẫn đều có các chữ, số “KIM HÙNG LANG CHÁNH 2 CHI 9999”, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng 02 (Hai) chỉ vàng. Cơ quan đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn T1, chị Vi Thị T2, đến nay anh T1, chị T2 không còn yêu cầu gì nên miễn xét.

- Đối với số tiền 10.500.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp, là tiền do bị cáo chiếm đoạt được, nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH K TH.

[8]. Về án phí: Bị cáo Hà Thị N bị kết án và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản, nhưng bị cáo là thành viên trong hộ nghèo giai đoạn 2022 - 2025, tại phiên tòa bị cáo đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên căn cứ điểm

đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị N 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Hà Thị N cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hà Thị N phải bồi thường cho Công ty TNHH K giá trị 02 chiếc nhẫn vàng là 23.920.000đ (*Hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), chấp nhận trừ số tiền 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH K; còn lại 13.420.000đ (*Mười ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) bị cáo tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tang vật: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Trả lại cho Công ty TNHH K số tiền 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1054460 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh mở tại Kho bạc huyện L, theo Giấy nộp tiền ngày 14/3/2024.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Hà Thị N, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám